

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT –
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 64/2018/DS-ST.

Ngày: 13/9/2018.

V/v: “Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Thanh Bình.
2. Bà Phạm Hồng Gái.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:* không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công Ki vụ án dân sự thụ lý số: 106/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Trúc K**, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố Thị Tứ, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hoàng H**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: số 883/24 khu phố Sơn Tiến, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG.

Đồng bị đơn: Ông **Phan Kế T**, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Sơn Thuận, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2018 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông Trần Hoàng H trình bày như sau:

Trước đây vào năm 2015 vợ chồng ông Phan Kế T và bà Bùi Thị L có mua thiếu vật tư nông ngh của bà Lê Trúc K nhiều lần, đến ngày 14/6/2015 hai bên tổng kết nợ theo đó phía vợ chồng ông T và bà L còn nợ lại bà Lê Trúc K số tiền là 38.366.000 đồng. Cụ thể đến ngày 29/5/2016 phía bà Bùi Thị L có viết biên nhận nợ số tiền mua bán vật tư nông ngh là 28.000.000 đồng, phía bà L hẹn đến ngày 29/7/2016 sẽ trả hết số tiền nợ trên. Sau đó đến ngày 04/11/2016 phía vợ chồng bà L, ông T đã trả được số tiền là 7.200.000 đồng, còn lại số tiền mua thiếu vật tư nông ngh còn nợ là 20.800.000 đồng đến nay vẫn không thanh toán cho bà Lê Trúc K.

Do đó người đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Phan Kế T và bà Bùi Thị L phải trả cho bà Lê Trúc K số tiền mua thiếu vật tư nông ngh còn nợ là 20.800.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại các bản Ki và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Phan Kế T và bà Bùi Thị L trình bày như sau:

Chúng tôi thừa nhận trước đây vào năm 2015 vợ chồng tôi có mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu của bà Lê Trúc K nhiều lần với số tiền là 38.366.000 đồng nhưng sau đó vợ chồng tôi đã trả cho bà K hai lần với số tiền là 30.000.000 đồng, chúng tôi chỉ còn nợ lại bà K số tiền là 8.366.000 đồng, mỗi lần trả số tiền 30.000.000 đồng trên chúng tôi không làm biên nhận gì với bà K.

Nay bà Lê Trúc K yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền 20.800.000 đồng thì vợ chồng chúng tôi không đồng ý trả bởi vì chúng tôi chỉ còn nợ lại bà K số tiền là 8.366.000 đồng, chúng tôi xin trả dần mỗi vụ lúa 1.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía bà Bùi Thị L thừa nhận vợ chồng bà còn nợ bà Lê Trúc K số tiền 20.800.000 đồng và đề nghị phía nguyên đơn giảm bớt số tiền nêu trên thì vợ chồng ông bà sẽ đồng ý trả cho phía bà Lê Trúc K số tiền 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa bà Lê Trúc K với ông Phan Kế T, bà Bùi Thị L. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Đồng bị đơn ông Phan Kế T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Kế T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Qua các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Xét thấy: theo lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, việc ông Phan Kế T và bà Bùi Thị L có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng vật tư nông nghiệp do bà K làm chủ nhiều lần qua đó ông T và bà L còn nợ bà K số tiền là 38.366.000 đồng là đúng sự thật và các bên không có tranh chấp. Tuy nhiên phía bà K cho rằng vào ngày 29/5/2016 dương lịch phía vợ chồng ông T và bà L đã trả cho bà được số tiền là 10.366.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 28.000.000 đồng, sau đó đến ngày 04/11/2016 phía vợ chồng bà L, ông T đã trả được cho bà K số tiền là 7.200.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 20.800.000 đồng. Trong khi đó phía vợ chồng ông T và bà L cho rằng vợ chồng ông bà đã trả được số tiền là 30.000.000 đồng, ông bà chỉ còn nợ lại bà K số tiền là 8.366.000 đồng. Do không thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đối với ý kiến trình bày của bà Bùi Thị L cho rằng vợ chồng bà thừa nhận vào năm 2015 vợ chồng bà có mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu của bà Lê Trúc K nhiều lần với số tiền là 38.366.000 đồng nhưng sau đó vợ chồng bà đã trả cho bà K hai lần với số tiền là 30.000.000 đồng, vợ chồng bà chỉ còn nợ lại bà K số tiền là 8.366.000 đồng, phía bà Bùi Thị L cũng thừa nhận biên nhận nợ do phía bà Lê Trúc K cung cấp cho Tòa án là chữ viết và chữ ký của bà, phía vợ chồng bà cho rằng đã trả hai lần số tiền 30.000.000 đồng cho K nhưng giữa các bên không làm giấy tờ gì cả, tại phiên tòa hôm nay bà cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì mới để chứng

minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nên không có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét. Do đó việc bà Lê Trúc K yêu cầu vợ chồng ông Phan Kế T và bà Bùi Thị L phải trả cho bà Lê Trúc K số tiền mua thiếu vật tư nông nghiệp còn nợ là 20.800.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và đúng theo quy định tại các Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía bà Bùi Thị L thừa nhận hai vợ chồng bà còn nợ lại số tiền 20.800.000 đồng đúng như yêu cầu khởi kiện của bà K, bà L trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu được giảm số tiền trên và vợ chồng bà sẽ đồng ý trả cho bà Lê Trúc K số tiền 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn cũng đồng ý giảm bớt số tiền nêu trên, chỉ yêu cầu phía vợ chồng ông T và bà L trả cho bà K số tiền 15.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí DSST: Ông Phan Kế T và bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 750.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Lê Trúc K toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 520.000 đồng theo lai thu số 0003546 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 và Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1/. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Ông Phan Kế T và bà Bùi Thị L phải trả cho bà Lê Trúc K số tiền mua thiếu vật tư nông nghiệp còn nợ là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí: Ông Phan Kế T và bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 750.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Lê Trúc K toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 520.000 đồng theo lai thu số 0003546 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công Ki.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An